

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH GIA LAI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 356/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5
Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết và Hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả chất vấn

Tại Kỳ họp thứ 5, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII có 05 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chất vấn Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Y tế liên quan đến 07 nhóm vấn đề được cử tri và Nhân dân quan tâm.

Phiên chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 5 được tiến hành dân chủ, thẳng thắn, trách nhiệm, tập trung vào 03 nhóm vấn đề được chất vấn trực tiếp tại hội trường: đầu tư hạ tầng thủy lợi, nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; khắc phục “vùng lõm sóng”, “vùng trắng sóng”, hoàn thiện hạ tầng viễn thông tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hội đồng nhân dân tỉnh đồng thời xem xét 04 nhóm vấn đề được trả lời bằng văn bản về nội vụ, hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, giáo dục và y tế cơ sở sau sắp xếp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ghi nhận tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở được chất vấn trong việc giải trình, làm rõ thực trạng, nguyên nhân, trách nhiệm, giải pháp và lộ trình thực hiện. Các báo

cáo cơ bản bám sát nội dung chất vấn, cung cấp nhiều số liệu, chỉ tiêu và đề xuất giải pháp xử lý.

Tuy nhiên, qua chất vấn và xem xét các báo cáo cho thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục: hạ tầng thủy lợi khu vực phía Tây tỉnh còn thiếu đồng bộ, hiệu quả khai thác một số công trình chưa đạt thiết kế; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn còn thấp, nhiều công trình cấp nước chưa phát huy hết công suất; vẫn còn khu vực có sóng yếu hoặc chưa có sóng; việc bố trí vị trí việc làm, biên chế trong giáo dục, y tế còn bất cập; việc xem xét hỗ trợ nhà ở đối với người có công còn kéo dài; đội ngũ, cơ sở vật chất và điều kiện bảo đảm cho giáo dục vùng khó khăn, y tế cơ sở sau sắp xếp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản thống nhất với các giải pháp, lộ trình và cam kết đã được nêu tại phiên chất vấn và trong các báo cáo trả lời bằng văn bản; đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở được chất vấn và cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện, tạo chuyển biến rõ rệt để Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát.

Điều 2. Nhiệm vụ, giải pháp

Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Giám đốc các sở được chất vấn, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Đối với lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

a) Khẩn trương phê duyệt Đề án phát triển hạ tầng nông nghiệp và phát triển nông thôn gắn với phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030. Trong đó, xác định rõ thứ tự ưu tiên, quy mô, phân kỳ đầu tư, nguồn vốn và thời gian thực hiện đối với 04 công trình thủy lợi do xã Ia Dreh đề xuất; ưu tiên công trình thật sự cấp thiết, có khả năng phát huy hiệu quả ngay, phục vụ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã vùng III, không để xảy ra đầu tư dàn trải.

b) Hoàn tất thủ tục đầu tư, tổ chức khởi công sửa chữa các công trình đầu mối hồ chứa Ia Dreh vào cuối năm 2026 theo kế hoạch; kiểm tra, đánh giá an toàn công trình, bảo đảm đầu tư đồng bộ giữa công trình đầu mối và hệ thống kênh dẫn, nâng cao năng lực tưới và hiệu quả sử dụng vốn.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ia Dreh khảo sát, xác định cụ thể nhu cầu mở rộng, kiên cố hóa hệ thống kênh mương của Trạm bơm đầu mối tại Sông Ba, buôn Ia Klon; xem xét đưa vào kế hoạch kiên cố hóa kênh mương nội đồng năm 2027 theo cơ chế hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, từng bước nâng diện tích tưới thực tế, phát huy công suất thiết kế của công trình.

d) Rà soát các công trình thủy lợi trên địa bàn, nhất là khu vực phía Tây của tỉnh; ưu tiên hoàn thiện hệ thống kênh mương cho các công trình đầu mối đã đầu tư nhưng chưa khai thác hết công suất; tăng cường kiểm tra tiến độ, chất lượng, hiệu quả sau đầu tư và kịp thời xử lý các công trình xuống cấp, mất an toàn.

đ) Rà soát, đánh giá thực chất hiệu quả hoạt động của các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; phân loại rõ công trình hoạt động hiệu quả, hoạt động không ổn định, xuống cấp hoặc chưa bảo đảm chất lượng nước; ưu tiên sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện cơ chế quản lý, vận hành và duy tu công trình hiện có trước khi đề xuất đầu tư mới.

e) Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn lên 41,5% trong năm 2026 và phấn đấu đạt 67,5% vào năm 2030; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, địa bàn thường xuyên thiếu nước và khu vực phía Tây của tỉnh. Xác định cụ thể danh mục công trình, nguồn vốn, tiến độ, số hộ được đầu nối và trách nhiệm của từng cơ quan, địa phương.

g) Tăng cường kiểm tra, giám sát, lấy mẫu và công khai kết quả chất lượng nước theo quy định; thống nhất phương pháp tổng hợp, công bố số liệu về nước hợp vệ sinh và nước sạch đạt quy chuẩn, bảo đảm dễ hiểu, phản ánh đúng mức độ tiếp cận nước sạch của người dân.

2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ

a) Hoàn thành xử lý dứt điểm điểm lôm sôm tại làng O2, xã Vĩnh Sơn trong quý III năm 2026; kiểm tra chất lượng dịch vụ sau đầu tư, bảo đảm kết nối ổn định, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID và các dịch vụ số thiết yếu của người dân.

b) Trong năm 2026, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và doanh nghiệp viễn thông rà soát đầy đủ, lập danh mục và bản đồ các điểm chưa có sóng, sóng yếu, chập chờn tại khu dân cư tập trung; xác định số hộ dân, phạm vi ảnh hưởng, mức độ cấp thiết, thứ tự ưu tiên, giải pháp công nghệ và lộ trình xử lý. Kết quả rà soát phải phản ánh đúng chất lượng sử dụng thực tế, không chỉ căn cứ tỷ lệ phủ sóng tại trung tâm thôn, làng.

c) Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông triển khai kế hoạch phát triển trạm BTS, mở rộng vùng phủ sóng 5G hằng năm; ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, khu vực biên giới, địa bàn có yêu cầu quốc phòng, an ninh và khu vực cần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông; tháo gỡ kịp thời khó khăn về vị trí, điện lưới và truyền dẫn.

d) Chủ động huy động, lồng ghép nguồn lực từ Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030, các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn lực hợp pháp khác; nghiên cứu, đề xuất giải pháp công nghệ phù hợp, bao gồm internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp đối với cụm dân cư phân tán, địa hình đặc biệt khó khăn, nơi việc đầu tư trạm BTS không hiệu quả.

đ) Thiết lập cơ chế tiếp nhận, kiểm tra và xử lý phản ánh của người dân về chất lượng sóng, internet; định kỳ đánh giá chất lượng dịch vụ, tiến độ khắc phục từng điểm lôm sôm và kết quả phối hợp của doanh nghiệp viễn thông; báo cáo số liệu đã được lượng hóa để Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, giám sát.

3. Đối với các nội dung trả lời bằng văn bản

a) Về nội vụ: Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu lại và phân bổ biên chế giáo dục, y tế phù hợp nhu cầu thực tế.

b) Về hỗ trợ nhà ở đối với người có công: Khẩn trương rà soát, xác minh, phân loại các trường hợp chưa được hỗ trợ; tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn và đề xuất phương án giải quyết.

c) Về giáo dục và đào tạo: Tập trung khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các trường phổ thông nội trú liên cấp tại 07 xã biên giới; triển khai giáo dục STEM, AI và chuyển đổi số phù hợp, ưu tiên vùng khó khăn.

d) Về y tế: củng cố tổ chức, bố trí nhân lực, bảo đảm bác sĩ, thuốc, trang thiết bị và điều kiện hoạt động của y tế cơ sở; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Kỳ họp thường lệ cuối năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung